

## **HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ATLÁT**

### **HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ATLÁT ĐỊA LÝ VIỆT NAM (Xuất bản tháng 9/2009)**

#### **A./Mở đầu**

Sự phát triển nhanh như vũ bão của khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI đã tạo nên những thiết bị kỹ thuật hiện đại, công nghệ thông tin... được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người. Môn Địa lý cũng không bỏ qua cơ hội sử dụng chúng vào trong quá trình dạy học. Ngày càng nhiều phương tiện, thiết bị kỹ thuật dạy học được sử dụng rộng rãi theo những phương pháp dạy học thích hợp. Các phương tiện dạy học một mặt làm thay đổi phương pháp dạy học truyền thống, mặt khác góp phần đổi mới nội dung dạy học và mở rộng thêm khả năng lĩnh hội tri thức khoa học hiện đại. Nhờ vào việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật dạy học này mà việc dạy học đã đem lại hiệu quả cao nhất. Một trong những phương tiện dạy học hiện nay được cả thầy và trò đón nhận và được sử dụng rộng rãi chính là Atlát địa lý Việt Nam do công ty bản đồ – tranh ảnh giáo khoa thuộc nhà xuất bản giáo dục đã tổ chức biên soạn và xuất bản.

#### **B./Nội dung Atlát địa lý gồm 3 phần chính:**

- Các bản đồ địa lý tự nhiên
- Các bản đồ địa lý kinh tế xã hội (ngành)
- Bản đồ các vùng kinh tế Việt Nam

Atlát địa lý Việt Nam là một dạng bản đồ giáo khoa, là một tập hợp có hệ thống các bản đồ địa lý được sắp xếp một cách khoa học, phục vụ cho mục đích dạy học, có hình thức trình bày đẹp, chất lượng in tốt, màu sắc đẹp, giá cả hợp lý.

Atlát địa lý Việt Nam có tính thống nhất cao về cơ sở toán học, nội dung và bố cục bản đồ khá phù hợp với chương trình học tập địa lý lớp 12. Atlát địa lý Việt Nam được thành lập dựa trên chương trình địa lý Việt Nam, nó diễn giải các vấn đề địa lý tự nhiên, kinh tế, xã hội, đi từ cái chung đến cái riêng, từ tự nhiên đến kinh tế xã hội, từ toàn thể đến khu vực, các bộ phận. Đây chính là cấu trúc chung nhất của Atlát. Cơ sở toán học sử dụng hệ thống tỷ lệ hợp lý (là bội số của nhau). Tuy nhiên các bản đồ này không phải tách rời nhau mà có liên quan mật thiết với nhau, song cấu trúc còn một số điều cần lưu ý vì vừa thiếu lại vừa thừa. Thiếu nhiều nội dung địa lý, thừa một số bản đồ tự nhiên.

ở trang đầu bìa 2 có bảng chú giải chung cho các bản đồ song đáng lẽ ra trong từng bản đồ chuyên đề phải có bảng chú giải riêng để dễ sử dụng. Nhưng trong Atlát địa lý Việt Nam không theo quy luật trên mà nhiều ký hiệu thể hiện nội dung chuyên môn của các trang bản đồ đã được đưa ra ngoài bìa 2 song vẫn được giải thích ở trên từng bản đồ, nhiều ký hiệu biểu hiện nội dung chuyên đề từng bản đồ lẽ ra nên để ở từng trang bản đồ thì lại đưa ra ngoài bìa 2 gây khó khăn cho người sử dụng.

Hơn nữa cuốn Atlát địa lý Việt Nam này lại được sử dụng cho 2 chương trình rất khác nhau; hai trình độ khác nhau quá xa như ở nước ta (lớp 9, lớp 12). Nếu hướng dẫn cho trình độ lớp 9 thì không phù hợp lớp 12 và ngược lại như vậy bài tập điều kiện nhỏ này chỉ nêu hướng dẫn chung sử dụng Atlát địa lý Việt Nam và tùy theo trình độ học sinh, giáo viên sẽ có sự vận dụng sao cho hợp lý để học sinh, giáo viên dễ sử dụng, dễ đối chiếu, so sánh với nhau.

#### **C./ Nội dung**

Hướng dẫn sử dụng các bản đồ

##### **1. Bản đồ hành chính Việt Nam**

+ Tên bản đồ: Bản đồ hành chính

+Nội dung chính

-Thể hiện toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam gồm 63 tỉnh thành, vùng lãnh thổ, hải đảo, vùng trời

-Giáp với các nước Trung Quốc; Lào; Campuchia

-Diện tích biển: > 1 triệu km<sup>2</sup>.

-Diện tích đất liền

-Diện tích đảo; quần đảo thuộc tỉnh nào thì sẽ mang màu nền của tỉnh đó. Có ranh giới các tỉnh trong đó thể hiện tên tỉnh, thành phố, tên thủ đô, các thành phố trực thuộc trung ương, các đường quốc lộ, tên các đảo, quần đảo, hệ thống sông.

+ Nội dung phụ

-Vị trí Việt Nam trên thế giới, khu vực Đông Nam Á

-Diện tích, tên, dân số các tỉnh thành phố

+ Phương pháp thể hiện:

-Phương pháp khoanh vùng diện tích

+ Phương pháp sử dụng:

Bước 1: Cho học sinh đọc tên bản đồ

Bước 2: Xác định ranh giới:

?Địa giới

?Màu sắc

?Tên tỉnh

?Tỉnh lỵ (trung tâm)

?Đảo, quần đảo thuộc tỉnh nào, màu sắc thuộc tỉnh đó

Bước 3: Cho học sinh tìm hiểu sâu hơn các tỉnh bằng cách cho học sinh tra bảng diện tích, dân số các tỉnh

Giáo viên có thể rèn luyện cho học sinh kĩ năng đọc bản đồ bằng cách đặt câu hỏi:

-Nhận xét vị trí địa lý nước ta trong khu vực; giáp với các nước nào trên thế giới? Tọa độ địa lý?

-Nhận xét màu sắc của bản đồ

-Các tỉnh giáp biển

-Những thuận lợi và khó khăn do vị trí địa lý đem lại

## **2. Bản đồ hình thể Việt Nam**

+ Tên bản đồ: Bản đồ hình thể Việt Nam

+Nội dung chính

-Thể hiện nét khái quát về hình thể lãnh thổ Việt Nam

-Phạm vi cả nước, biển, đảo

+Nội dung phụ

-Thể hiện một số hình ảnh các miền ở nước ta

+Phương pháp sử dụng

Phương pháp đường đẳng trị

-Đối với đất liền: Dường đẳng cao

-Đối với biển : Dường đẳng sâu

+ Phương pháp sử dụng:

Cho học sinh sử dụng bản đồ với các gợi ý:

-Bản đồ này thể hiện từ khái quát tổng thể đến chi tiết

-Thể hiện địa hình đồng bằng, vùng đồi núi bằng các màu sắc

-Vùng đồng bằng: - Các đồng bằng lớn

- Nhận xét các đồng bằng

-Vùng núi: - Các dãy núi lớn

- Hướng các dãy núi

- Các sơn nguyên, cao nguyên

-Đặc điểm hình thái biển Đông ? ý nghĩa kinh tế

-Nhận xét 4 cảnh quan tiêu biểu ở nước ta

-Vùng núi cao: Phanxipăng

-Cao nguyên: Mộc Châu

-Đồng bằng: Nam Bộ

-Biển: Vịnh Hạ Long

-Cho xây dựng lát cắt địa hình ở một số khu vực

Nhược điểm:

-Thang bậc nền màu độ cao, độ sâu ghi chưa chính xác

-Cánh cung Đông Triều bị sai

-Dãy Trường Sơn có phạm vi lãnh thổ chưa thống nhất

## **3. Bản đồ địa chất khoáng sản Việt Nam**

- + Tên bản đồ: Bản đồ địa chất khoáng sản
- + Nội dung chính
  - Thể hiện các mỏ khoáng sản chính của nước ta
  - Thể hiện địa chất, địa tầng nước ta
  - Các đối tượng địa chất khác như phun trào axit; mafic; xâm nhập axit; trung tính ...
  - Bản đồ nhỏ thể hiện địa chất biển Đông và các vùng kế cận
- + Nội dung phụ
  - Bản đồ nhỏ góc trái dưới cùng trang thể hiện sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam
- + Phương pháp thể hiện
  - Phương pháp nền chất lượng : thể hiện địa tầng
  - Phương pháp ký hiệu dạng đường: thể hiện ranh giới địa chất, đường đứt gãy
  - Phương pháp vùng phân bố: Các đối tượng địa chất khác như phun trào mafic; axit; xâm nhập axit ...
  - Ký hiệu trên nền màu: Ví dụ ký hiệu các mỏ khoáng sản
- + Phương pháp sử dụng:
  - Bản đồ này được sử dụng nhằm khai thác các nội dung địa chất, khoáng sản Việt Nam nên giáo viên thể hiện cho học sinh khai thác theo gợi ý:
  - Nhận xét đặc điểm phân bố các mỏ khoáng sản Việt Nam?
  - Đặc điểm địa chất Việt Nam: Nhận xét các thang địa tầng ở nước ta (đơn vị phân chia lớn nhất thang địa tầng là giới ? kỷ (hệ) ? thế (thống) ? kỳ ? thời) ? cho học sinh đọc các đơn vị địa tầng. Sau đó điền các kiến thức đã đọc vào bảng sau:

Đại

(giới)Kỷ

(hệ)Thế

(thống)Thời gian

(triệu năm)Phân bố

(tỉnh, vùng)

-Bản đồ địa chất và các vùng kế cận thể hiện địa chất vùng kế phần đất liền Việt Nam

-Mối quan hệ giữa địa chất với khoáng sản

Nhược điểm:

-Một số đối tượng không được giải thích trên bản đồ lớn

#### **4. Bản đồ khí hậu**

+Tên bản đồ : Bản đồ khí hậu

+ Nội dung chính:

-Thể hiện khí hậu chung Việt Nam

+ Nội dung phụ:

-Các bản đồ phụ thể hiện nhiệt độ, lượng mưa trung bình năm, các tháng trong năm

+ Phương pháp thể hiện

-Phương pháp nền chất lượng: Mỗi miền gắn với một nền màu

-Phương pháp ký hiệu chuyển động: Thể hiện yếu tố gió, bão

ví dụ : - mũi tên màu đỏ thể hiện chế độ gió mùa hạ

- mũi tên màu xanh thể hiện chế độ gió mùa đông

- Màu mũi tên thể hiện bản chất gió (nóng, lạnh)

- Hướng mũi tên chỉ hướng gió

- Độ lớn, chiều dài mũi tên chỉ cường độ, hiện tượng gió mạnh, yếu khác nhau, loại gió khác nhau

-Hướng gió và tần suất gió biểu hiện: Biểu đồ gió, lượng mưa, nhiệt độ: Phương pháp biểu đồ định vị

- Biểu đồ phụ: Phương pháp thể hiện nền định lượng

+ Phương pháp sử dụng: Cho học sinh tiến hành các bước

-Bước 1: Đọc các miền khí hậu nước ta về:

-Nhiệt độ

-Lượng mưa

- Hướng gió
- Mối quan hệ giữa chúng
- Bước 2 : Phân tích từng yếu tố khí tượng
- Có sự phân hoá:
- Theo mùa
- Theo vĩ độ
- Theo độ cao

Hạn chế:

- Không có tần suất gió trong bản đồ trong khi bản đồ chú giải có
- Tại một điểm chỉ đặt một ký hiệu trong khi đó trong bản đồ đặt 2 (Ví dụ: Các điểm đặt biểu đồ lượng mưa; nhiệt độ, hướng gió)

### **5. Bản đồ đất – thực vật và động vật**

+ Tên bản đồ: Bản đồ đất, thực vật và động vật

+ Nội dung chính:

-Thể hiện đất, thực vật và động vật nước ta

Đất: - Thể hiện các loại đất chính ở nước ta

Thực vật: - Các thảm thực vật

Động vật: - Các loại động vật chính

+ Nội dung phụ

-Thể hiện sông ngòi

-Một số điểm quần cư

+ Phương pháp thể hiện

- Nền chất lượng:

- Thể hiện các loại đất, mỗi loại đất chiếm vùng phân bố riêng

-Vùng phân bố thông qua các ký hiệu: Thảm thực vật, không có đường viền đứt đoạn

-Riêng rừng quốc gia, điểm dân cư dùng phương pháp ký hiệu định vị đặt đúng vị trí nơi đối tượng đó

-Ký hiệu dạng đường: Thể hiện sông

+ Phương pháp sử dụng:

Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng bản đồ này bằng cách đi từ toàn thể đến cục bộ theo gợi ý:

-Nhìn màu sắc tỷ lệ loại đất nào chiếm nhiều nhất

-Đọc từng loại đất

-Nhận xét sự phân bố các thảm thực vật nước ta

-Sự phân khu vực động vật, đọc tên các động vật chính trong khu vực này

### **6. Bản đồ các miền tự nhiên**

+ Tên bản đồ: Các miền tự nhiên

A.Miền Bắc và Đông Bắc Bộ

B.Miền Tây Bắc và Nam Trung Bộ

C.Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

+ Nội dung chính

-Thể hiện các miền tự nhiên nước ta

+ Nội dung phụ

-Bản đồ nhỏ thể hiện vị trí địa lý các miền tự nhiên nước ta

-Lát cắt địa hình ở một số vị trí đặc biệt

-Hệ thống sông ngòi: - Để định hướng địa hình

- Các điểm quần cư; đường giao thông

+ Phương pháp thể hiện

-Phương pháp đường bình độ kết hợp phân tầng màu độ cao thể hiện địa hình, mỗi tầng màu chỉ nhiều chỉ số có số lượng

-Phương pháp điểm độ cao: Thể hiện một số ngọn núi cao ở nước ta

+ Phương pháp sử dụng

Giúp học sinh đọc bản đồ miền với gợi ý:

-Địa hình nào là chính; phụ

-Các dãy núi chính ở Việt Nam: Hoàng Liên Sơn; Trường Sơn ...

-Các sơn nguyên; cao nguyên: Tên; vị trí, hướng

-Các ngọn núi cao > 2000m

-Các đồng bằng lớn, nhỏ

-Đọc các lát cắt: Từ nơi xuất phát (cao nhất) đến thấp nhất qua những dạng địa hình nào

Hạn chế

-Các lát cắt địa hình còn chưa phù hợp nên có thể hình thành biểu tượng sai cho học sinh

### **7. Bản đồ dân số Việt Nam**

Tên bản đồ : Bản đồ dân số Việt Nam

Nội dung chính: - Thể hiện đặc điểm dân số Việt Nam

Nội dung phụ : - Số dân Việt nam qua các thời kì

-Cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi

-Các điểm dân cư đô thị

-Cơ cấu dân số hoạt động theo các ngành kinh tế

Phương pháp thể hiện : - Phương pháp nền định lượng kết hợp với phương pháp đồ giải

- Phương pháp kí hiệu

Phương pháp sử dụng :

- Bước 1: Cho học sinh đọc tên bản đồ và bản chú giải

- Bước 2 : Cho học sinh quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi sau:

+ Nhận xét màu sắc mật độ giữa các khu vực trong cả nước

- Nhận xét mật độ dân số giữa các vùng

- So sánh mật độ dân số giữa các vùng đồng bằng và trung du miền núi, vùng ven biển

- Từ đó rút ra qui luật phân bố dân cư nước ta

+ Nhận xét số dân nước ta qua các thời kì dựa theo biểu đồ thể hiện số dân Việt Nam

+ So sánh 2 tháp dân số với các nội dung :

-Hình dạng tháp tuổi nói lên điều gì

-Cơ cấu dân số theo độ tuổi, giới tính

-Tỉ lệ dân số theo nhóm tuổi

-Xu hướng phát triển dân số trong tương lai

-Từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn, biện pháp giải quyết

+ Phân tích biểu đồ cơ cấu dân số hoạt động theo ngành -Từ đó rút ra xu hướng chuyển dịch dân số theo ngành

- Bước 3 : Cho học sinh tổng kết đặc điểm dân số Việt Nam

Hạn chế của bản đồ: - Bản đồ thể hiện dân số Việt Nam nhưng không nêu rõ năm nào

-Ranh giới hành chính tỉnh thành không có giá trị

### **8. Bản đồ dân tộc Việt Nam**

+Nội dung chính :

-Thể hiện sự phân bố các dân tộc ở nước ta

-Thể hiện sự phân bố các ngôn ngữ chính ở nước ta

Nội dung phụ :

-Thể hiện 54 dân tộc có trên lãnh thổ nước ta và số dân của các dân tộc này

-Tỉ lệ các dân tộc chính ở nước ta

Phương pháp thể hiện :

-Phương pháp vùng phân bố : Được thể hiện bằng các màu sắc khác nhau biểu thị các nhóm ngôn ngữ trên các vùng lãnh thổ nhất định hoặc xen kẽ lẫn nhau

Phương pháp sử dụng :

- Bước 1 : Cho học sinh đọc tên bản đồ, bản chú giải
  - Bước 2 : Yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã học và bản đồ dân tộc, bản đồ hành chính trả lời các câu hỏi sau :
    - +Nước ta có bao nhiêu thành phần dân tộc ?
    - +Có bao nhiêu hệ ngôn ngữ chính ?
    - +Nhận xét sự phân bố các thành phần dân tộc, nhóm ngôn ngữ( VD : nhóm ngôn ngữ Việt - Mường; Tày - Thái.... )
    - +Nhận xét tỉ lệ các nhóm dân tộc ở nước ta ?
  - Bước 3 : Rút ra đặc điểm chung về dân tộc nước ta
- Hạn chế :
- Sự phân chia nhóm ngôn ngữ không đồng nhất giữa sách giáo khoa và atlas
  - +VD : - Sách giáo khoa chia hệ ngôn ngữ thành 3 dòng chính là dòng Nam á, Nam Đảo, Hán - Tạng
  - Atlas chia thành 5 ngữ hệ : Nam - á, Hmông - Dao, Thái - Kadai, Nam Đảo, Hán - Tạng
  - Điều này khiến cho học sinh rất khó khăn trong việc nhận xét, chính vì vậy phải căn cứ vào sách giáo khoa để nhận biết

### **9. Bản đồ nông nghiệp chung**

- +Tên bản đồ: Bản đồ nông nghiệp chung
  - + Nội dung chính
    - Thể hiện vùng nông nghiệp chung nước ta
    - Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp Việt Nam
  - + Nội dung phụ
    - Hệ thống sông, điểm dân cư
    - Giá trị sản xuất các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
    - Một số hình ảnh minh họa các cây trồng nông nghiệp quan trọng
    - Bản đồ phụ thể hiện quần đảo Trường Sa
  - + Phương pháp thể hiện
    - Phương pháp vùng phân bố: Thể hiện các loại đất nông nghiệp khác nhau
    - Phương pháp ký hiệu:
      - Tượng hình: Chỉ một số loại cây, con chủ yếu
      - Dạng đường: Thể hiện ranh giới, sông ngòi ? đều nằm trong vùng phân bố
  - + Phương pháp sử dụng
- Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng bản đồ qua gợi ý:
- Nhận xét sự phân bố, diện tích các loại đất nông nghiệp chính ở Việt Nam
  - Sự phân bố các loại cây, con chủ yếu ở nước ta
  - Hoàn thành bảng sau khi đọc
- Tên vùng-Hiện trạng sử dụng đất-Cây trồng chính-Vật nuôi

#### **\*Hạn chế**

Bản đồ thể hiện quá nhiều nội dung, có thể tách ra thành bản đồ phụ

### **10. Bản đồ nông nghiệp**

- + Tên bản đồ: Bản đồ nông nghiệp
- +Nội dung chính:
  - Thể hiện diện tích lúa, hoa màu, cây công nghiệp và sản lượng lúa các tỉnh; diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực
  - Số lượng gia súc; gia cầm các tỉnh
  - Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng đã được sử dụng
  - Sự phân bố một số loại cây, con chủ yếu ở nước ta
- + Nội dung phụ:
  - Diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm
  - Cơ cấu giá trị sản lượng ngành chăn nuôi qua các năm

-Số lượng gia súc bình quân

+ Phương pháp thể hiện:

-Phương pháp bản đồ – biểu đồ

-Phương pháp đồ giải: Có diện tích, tên tỉnh, ký hiệu

+ Phương pháp sử dụng

Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng bản đồ qua các gợi ý:

-Nhận xét về diện tích và sản lượng lúa các tỉnh; cho học sinh đo, tính trên bản đồ

-Số lượng gia súc và gia cầm các tỉnh

-Sự phân bố lúa; chăn nuôi; hoa màu; các cây công nghiệp chính ở nước ta

-Nhận xét về diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực

-Tỷ lệ diện tích trồng cây hoa màu so với tổng diện tích trồng cây lương thực từ đó rút ra nhận xét?

-Nhận xét diện tích trồng hoa màu và tổng sản lượng hoa màu?

-Cơ cấu giá trị sản lượng ngành chăn nuôi qua các năm?

-Tỷ lệ diện tích trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng được sử dụng

-Diện tích gieo trồng cây công nghiệp qua các năm (cây lâu năm, hàng năm)

Hạn chế

Trong cùng một bản đồ thể hiện 2 gam màu nóng, lạnh đối lập hẳn với nhau để thể hiện cùng một đối tượng như diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực. Vì vậy học sinh sẽ phân tích khó trực quan hơn

### **11. Bản đồ lâm – ngư nghiệp**

+ Tên bản đồ: Bản đồ lâm nghiệp và ngư nghiệp

+ Nội dung chính

-Thể hiện diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh

-Quy mô giá trị sản xuất lâm nghiệp của các tỉnh và thành phố

-Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng của các tỉnh và thành phố

+ Nội dung phụ

-Thể hiện sản lượng thủy sản cả nước qua các năm

-Quần đảo Trường Sa thể hiện toàn vẹn lãnh thổ

-Hình ảnh đặc trưng của hai ngành lâm nghiệp, thủy sản

### **11. Bản đồ lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam**

+ Phương pháp thể hiện

-Phương pháp đồ giải: Thể hiện tỷ lệ diện tích rừng

-Phương pháp cartodiagram: Thể hiện quy mô giá trị sản xuất lâm nghiệp của các tỉnh và thành phố. Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng các tỉnh và thành phố

+ Phương pháp sử dụng

-Giáo viên cho học sinh sử dụng bản đồ theo gợi ý

-Nhận xét về tỷ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh chung cả nước

-Tỉnh có tỷ lệ diện tích rừng so với diện tích rừng nhiều nhất? là bao nhiêu

-Tính quy mô giá trị sản xuất lâm nghiệp lớn nhất? nhỏ nhất? vì sao?

-Nhận xét chung về tình hình sản xuất lâm nghiệp nước ta

-Nhận xét sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng các tỉnh và thành phố nước ta? Nhận xét chung về sản lượng thủy sản nước ta qua các năm

-Kể tên các ngư trường lớn của nước ta

-Nhận xét chung về ngành thủy sản nước ta

Hạn chế: Các bãi cá, tôm thể hiện bằng các đường liên tục như vậy không thể hiện đúng bản chất hiện tượng là sự di chuyển liên tục của các ngư trường này.

### **12. Bản đồ công nghiệp chung**

+ Tên bản đồ: Bản đồ công nghiệp chung

+ Nội dung chính:

- Thể hiện các trung tâm công nghiệp, các điểm công nghiệp phân theo giá trị sản xuất công nghiệp
- Các ngành công nghiệp cơ bản của các trung tâm công nghiệp

+ Nội dung phụ

- Thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp qua các năm
- Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế
- Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành công nghiệp
- Hình ảnh khai thác than ở Quảng Ninh và bản đồ phụ thể hiện quần đảo Trường Sa. Sự phân bố các ngành công nghiệp chủ chốt ở nước ta

+ Phương pháp thể hiện

- Phương pháp thể hiện thể hiện các trung tâm công nghiệp, điểm công nghiệp, ngành công nghiệp đặt đúng vị trí, đúng đối tượng

+ Phương pháp sử dụng

Giáo viên cho học sinh đọc bản đồ và gợi ý:

- Nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp nước ta
- Các ngành công nghiệp cơ bản các trung tâm công nghiệp này
- Nhận xét các bản đồ

### **\*Hạn chế**

Ký hiệu không thống nhất : -Ví dụ ký hiệu ngành điện tử ở trên bản đồ và bảng chú giải là thống nhất nhưng trong biểu đồ phụ “giá trị sản xuất công nghiệp phân theo nhóm ngành công nghiệp” lại gắn thêm từ “tin học” làm cho bản đồ thiếu tính chặt chẽ

Trung tâm công nghiệp và điểm công nghiệp cùng được phân loại theo một thang chỉ số lượng cũng là điều bất hợp lý

### **13. Bản đồ công nghiệp**

+ Tên bản đồ: Bản đồ công nghiệp năng lượng

+ Nội dung chính

- Bản đồ công nghiệp năng lượng: Thể hiện sự phân bố các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, cụm diezen, các nhà máy thủy điện đang xây dựng và các mỏ than, mỏ dầu đang khai thác, hệ thống đường dây tải điện 500 kv, trạm biến áp
- Bản đồ công nghiệp luyện kim, cơ khí, điện tử, tin học thể hiện quy mô giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp (tỷ đồng), các ngành công nghiệp luyện kim, cơ khí, điện tử, tin học hoá chất
- Bản đồ công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm: Thể hiện sự phân bố và quy mô giá trị ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm (tỷ đồng)

+ Nội dung phụ

\*Bản đồ công nghiệp năng lượng

- Biểu đồ phụ thể hiện sản lượng dầu thô, than sạch qua các năm

-Biểu đồ tròn giá trị sản xuất của ngành năng lượng trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp

\*Bản đồ công nghiệp luyện kim, cơ khí, điện tử tin học, hoá chất

- Biểu đồ tròn thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp của toàn ngành công nghiệp (%)

\*Bản đồ công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm

-Biểu đồ cột chồng: Thể hiện giá trị sản xuất công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm qua các năm (tỷ đồng)

-Biểu đồ tròn thể hiện giá trị sản xuất của công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành

+ Phương pháp thể hiện

- Ký hiệu dạng đường thể hiện sông, đường dây tải điện, đường Quốc tế

-Trung tâm công nghiệp được thể hiện bằng vòng tròn với các quy mô khác nhau, bên trong đặt các ngành công nghiệp với các ký hiệu khác nhau

+ Phương pháp sử dụng

Cho học sinh nhận xét

- Sự phân bố các nhà máy nhiệt điện, thủy điện lớn ở nước ta ? kết luận chung ngành công nghiệp năng lượng
- Sự phân bố công nghiệp luyện kim, cơ khí, điện tử, tin học, hoá chất ? kết luận chung
- Sự phân bố công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm ? kết luận chung sự phát triển của ngành này
- Hạn chế
- Trên các biểu đồ cột không ghi 1mm tương ứng với bao nhiêu tỷ đồng do chú giải thiếu nên các em muốn tìm hiểu xem các ngành phát triển qua các năm ra sao sẽ gặp khó khăn
- Bản đồ công nghiệp luyện kim, cơ khí, điện tử, tin học, hoá chất có ký hiệu là h/c và các sản phẩm hoá chất song ở bản đồ chung lại giải thích là “hoá chất phân bố” như vậy lỗi sai về biên tập làm cho cấu trúc Atlas không chặt chẽ
- Ký hiệu “sản xuất giấy xenlulo” trong bản đồ chung song trong bản đồ công nghiệp nhẹ lại dùng là “gỗ, giấy, xenlulô”
- Bản đồ công nghiệp năng lượng vị trí nhà máy nhiệt điện Uông Bí biểu hiện quá sai lệch so với thực tế

#### **14. Bản đồ giao thông**

- + Tên bản đồ: Giao thông
- + Nội dung chính
- Thể hiện các tuyến đường giao thông chính ở nước ta
- Các đầu mối giao thông
- + Nội dung phụ
- Ranh giới các tỉnh, thành
- Tên các tỉnh; tỉnh lỵ; cửa khẩu
- Hình ảnh đoàn tàu thống nhất Bắc Nam, sự toàn vẹn lãnh thổ ở bản đồ phụ
- + Phương pháp thể hiện
- Ký hiệu dạng đường thể hiện các đối tượng phân bố kéo dài theo tuyến như đường sắt, bộ, hàng không, biển, sông, ranh giới
- Phương pháp ký hiệu thể hiện sân bay, bến cảng, cửa khẩu
- + Phương pháp sử dụng
- Đọc tên các tuyến đường chính:
- Quốc lộ 1A-Nơi xuất phát
- Tuyến đường sắt thống nhất-Kết thúc
- Đi qua vùng
- Các tuyến giao thông Đông-Tây
- Các bến cảng, sân bay
- Hạn chế

Ký hiệu máy bay ở thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội được thể hiện màu đỏ song ở bản đồ vùng cũng tại địa điểm này máy bay được ký hiệu màu đen ? khó giải thích

#### **15. Bản đồ thương mại**

- + Tên bản đồ: Bản đồ thương mại; ngoại thương
- + Nội dung chính
- + Bản đồ thương mại
- Thể hiện tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ các tỉnh tính theo đầu người
- Tổng số người kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ của các tỉnh
- Xuất nhập khẩu của các tỉnh
- +Bản đồ ngoại thương: Thể hiện kim ngạch buôn bán giữa các nước
- + Nội dung phụ
- Bản đồ thương mại
- Thể hiện cơ cấu giá trị hàng xuất nhập khẩu
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ qua một số năm
- Xuất nhập khẩu hàng hoá qua các năm (tỷ USD)
- Bản đồ ngoại thương

-Thể hiện bằng phương pháp phân bố số lượng

+ Phương pháp thể hiện

Bản đồ thương mại

-Phương pháp đồ giải: Thể hiện tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ các tỉnh theo đầu người chia 5 cấp

-Phương pháp Cartodiagram: Thể hiện bằng biểu đồ cột, tròn

+ Phương pháp sử dụng

Bản đồ thương mại

-Đọc và ghi tên các tỉnh có số lượng bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ các tỉnh theo đầu người cao nhất và thấp nhất

-Số người hoạt động kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ của tỉnh cao nhất và thấp nhất

-Giải thích biểu đồ cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu nước ta

-Nhận xét tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ của nước ta qua các năm

Bản đồ ngoại thương

-Nhận xét kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với các nước và nhân tố xếp theo thứ tự từ lớn đến bé

-Nhận xét sự xuất nhập khẩu hàng hoá nước ta qua các năm và giải thích

### **16. Bản đồ du lịch Việt Nam**

+ Tên bản đồ: Bản đồ du lịch

+ Nội dung chính

-Thể hiện các trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn trên nền địa hình nước ta

+ Nội dung phụ

-Biểu đồ cột thể hiện khách du lịch và doanh thu từ du lịch qua các năm

-Biểu đồ tròn thể hiện khách du lịch quốc tế đến Việt Nam qua các năm

-Hình ảnh về tài nguyên du lịch nhân văn (cố đô Huế), tự nhiên (Vịnh Hạ Long)

-Bản đồ nhỏ thể hiện sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam

+ Phương pháp thể hiện

-Phương pháp ký hiệu thể hiện trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn

-Phương pháp đường đẳng trị: Dường đẳng cao

+ Phương pháp sử dụng

-Xếp loại một số trung tâm du lịch theo các cấp độ khác nhau

-Nêu rõ sự phân bố một số tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn nổi tiếng

-Nhận xét về số khách du lịch và doanh thu du lịch qua các năm

-Nhận xét về cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam qua các năm

### **17. Bản đồ vùng kinh tế Bắc Bộ; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ; Nam Bộ**

+ Tên bản đồ: Bản đồ địa lý chung

Bản đồ kinh tế

+ Nội dung chính

Bản đồ địa lý chung

-Thể hiện tự nhiên chung vùng Bắc Bộ; Bắc TRung Bộ; Nam Trung Bộ; Nam Bộ

-Địa hình

-Đất

-Sông ngòi

-Khoáng sản

Bản đồ kinh tế

-Thể hiện các trung tâm kinh tế lớn và các ngành kinh tế chủ chốt (gồm công nghiệp; nông nghiệp; lâm nghiệp; dịch vụ...)

+ Nội dung phụ

-Thể hiện GDP của vùng so với GDP cả nước

-Cơ cấu GDP của vùng phân theo ngành

+ Phương pháp thể hiện

- Phương pháp ký hiệu: Thể hiện khoáng sản; trung tâm công nghiệp; các ngành kinh tế
- Phương pháp đường đẳng trị: đẳng cao
- Phương pháp ký hiệu dạng đường: Thể hiện hệ thống sông, tuyến đường chính

+ Phương pháp sử dụng

Giáo viên cho học sinh sử dụng bản đồ theo gợi ý sau:

+Bản đồ địa lý chung:

-Vùng Đông Bắc: Đọc tên các cánh cung, hướng?

-Vùng Tây Bắc: Nhận xét độ cao vùng Tây Bắc

+ Bản đồ kinh tế:

-Các trung tâm kinh tế từ lớn đến nhỏ

-Các ngành kinh tế chủ chốt ở các trung tâm này

-Mối quan hệ giữa các ngành kinh tế

-Nêu sự phân bố một số đối tượng nông nghiệp, công nghiệp

-Nhận xét GDP vùng so với cả nước

-Nhận xét cơ cấu GDP vùng phân theo ngành

### Kết luận

Atlas địa lý Việt Nam được thành lập dựa trên chương trình địa lý Việt Nam, đã diễn giải các vấn đề địa lý tự nhiên, kinh tế, xã hội. Đi từ cái chung đến cái riêng. Từ tự nhiên đến kinh tế- xã hội, từ toàn thể đến khu vực, bộ phận làm cho cấu trúc Atlas trở nên chặt chẽ hơn.

Khi khai thác các kiến thức địa lý trong Atlas địa lý Việt Nam thì cần chú ý đến mối quan hệ giữa các đối tượng được thể hiện trong bản đồ Atlas địa lý Việt Nam. Nội dung địa lý trong Atlas rất phong phú, phù hợp với chương trình học tập của một số khối lớp học cụ thể, phù hợp đối tượng và tiến trình giảng dạy địa lý trong nhà trường.

Các bản đồ trong Atlas có màu sắc đẹp, kích thước lớn hơn các bản đồ trong sách giáo khoa, chi tiết hơn, sử dụng nhiều màu sắc và thể hiện nội dung địa lý phong phú cùng với bộ tranh ảnh minh họa, biểu đồ và các số liệu tra cứu. Do vậy nó đã được giáo viên và học sinh và các tầng lớp xã hội đón nhận.

Atlas địa lý Việt Nam đã kết hợp với các bản đồ trong sách giáo khoa; bản đồ treo tường và lược đồ nhằm giúp giáo viên truyền đạt theo kiến thức mới, ôn tập và kiểm tra đánh giá học sinh một cách hiệu quả hơn.

Với các bản đồ trong Atlas, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh so sánh đối chiếu, khái quát những kiến thức tiếp thu được qua bài giảng và học sinh học được những gì trong bài giảng trên lớp thì cũng được minh họa trong Atlas

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm này thì Atlas còn có một số hạn chế đã được phân tích kỹ trong nội dung trên nên hy vọng các nhà thành lập bản đồ sẽ sửa chữa và hoàn thiện cho cuốn Atlas hoàn chỉnh hơn, phục vụ đắc lực cho giảng dạy và nghiên cứu Địa lý.

1. Nắm, hiểu & sử dụng tốt các ký hiệu trong Atlas.
2. Đọc, hiểu khai thác tốt các loại biểu đồ trong atlas để bổ sung kiến thức & kiểm tra khi thi tốt nghiệp.
3. Nắm hiểu & khai thác tốt các kiến thức cơ bản từ các trang :
  - a. Nắm được các vấn đề chung.
  - b. Tìm nội dung chủ yếu của trang.
  - c. Phân tích & giải thích được nội dung chủ yếu của các trang.
  - d. Tìm ra mối liên hệ của các trang.
4. Biết cách trả lời các câu hỏi luyện tập & bài thi có hiệu quả nhất :
  - a. Đọc kỹ câu hỏi tìm ra yêu cầu chính của đề bài.
  - b. Tìm được mối liên quan giữa các yêu cầu của đề bài với các trang của atlas.
  - c. Sử dụng các nội dung cơ bản của atlas có liên quan để trả lời tốt các yêu cầu chính của đề bài.